TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Là và bà Cao Thị Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án nhân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024; về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị D, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn Đ0, xã Đ1, huyện Đ tỉnh Thái Bình *(có mặt tại phiên toà).*

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn T0, xã Đ1, huyện Đ tỉnh Thái Bình *(vắng mặt không có lý do).*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Chị Nguyễn Thị Huyền P inh năm 2006; Địa chỉ: C1, T8 Nhà C2, KN/Ơ V3, tổ 19, phường D1, quận C2, Hà Nội *(có đơn xin vắng mặt).*

NỘI D VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, bà Vũ Thị D trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Duy L tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Thái Bình từ năm 1991. Năm 2005 bà có quen biết và quan hệ sinh lý với ông Lê Công K, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Phú Thành, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Ngày 01/3/2006, bà sinh cháu Nguyễn Thị Huyền P. Do bà sinh cháu P trong thời kỳ hôn nhân với ông L nên giấy khai sinh của cháu P xác định bố đẻ là ông Nguyễn Duy L. Năm 2010, bà và ông L phát

sinh mâu thuẫn nên đã làm thủ tục ly hôn. Tại bản án số 44/2010/HNGĐ-ST ngày 21/9/2010 của Toà án nhân dân huyện Đ đã xử cho bà được ly hôn với ông L và xác định cháu P là con chung của bà và ông L và giao cháu P cho bà trực tiếp nuôi dưỡng.

Tháng 9/2023, bà đã đồng ý để ông Lê Công K và cháu Nguyễn Thị Huyền P thực hiện thủ tục xét nghiệm ADN để xác định cha con giữa ông K và cháu P. Tại Kết quả xét nghiệm ADN ngày 12/9/2023 của Viện công nghệ ADN và phân tích di truyền – Genlab đã kết luận ông Lê Công K có quan hệ huyết thống bố - con với cháu Nguyễn Thị Huyền P. Vì vậy bà đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xem xét theo trình tự Tái thẩm, đề nghị hủy phần con chung trong Bản án số 44/2010/HNGĐ-ST ngày 21/9/2010 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Bình để giải quyết lại cho đúng với thực tế khách quan. Quyết định tái thẩm số 26/2024/HNGĐ-TT ngày 05/9/2024 của Uỷ ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã chấp nhận yêu cầu của bà, hủy phần con chung, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm lại. Đến nay Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết lại về phần con chung, quan điểm của bà đề nghị Toà án xác định như sau:

- Ông Nguyễn Duy L không phải là cha đẻ của cháu Nguyễn Thị Huyền P.

- Ông Lê Công K là cha đẻ của cháu Nguyễn Thị Huyền P.

Các nội D khác của Bản án số 44/2010/HNGĐ-ST ngày 21/9/2010 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Bình (phần không bị hủy) bà nhất trí và không có đề nghị gì.

* Bị đơn, ông Nguyễn Duy L có nơi trú tại thôn Thôn Trung, xã Đ1, huyện Đ tỉnh Thái Bình. Mọi văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập ông L lên Tòa án để nộp văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu, đề nghị của bà D và của chị Nguyễn Thị Huyền P; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đều được Tòa án tống đạt hợp lệ cho ông L theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông L không đến Tòa án để làm việc, không xuất trình tài liệu chứng cứ cho Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

- Xác minh với ông Nguyễn Duy Bằng (anh trai của ông L) có nội D: Ông L hiện đi làm ăn ở tỉnh ngoài, nay đây, mai đó nên ông không nắm rõ địa chỉ cụ thể của ông L. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Đ trong vụ án mà Tòa án giải quyết sơ thẩm lại về phần con chung giữa bà D và ông L gửi qua đường Bưu chính cho ông L thì ông đều nhận thay ông L. Ông L vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình và biết Toà án đang giải quyết yêu cầu của bà D và chị Nguyễn Thị Huyền P. Gia đình ông đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Gia đình ông không liên quan gì đến việc của bà D nữa.

- Xác minh với UBND xã Đ1 có nội D: Ông L đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Trung, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Ông L và bà D đã ly hôn

năm 2010. Ông L đi làm ăn ở tỉnh ngoài nhưng vẫn thường đi về gia đình và địa P.

* Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Huyền P trình bày:

Đề nghị Toà án căn cứ vào kết quả giám định ADN số 232005GL/ADN ngày 12/9/2023 của Viện công nghệ ADN và phân tích di truyền – Genlab công nhận chị là con đẻ của ông Lê Công K, sinh năm 1960; nơi thường trú: Thôn Phú Thành, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội D:

- Đề nghị Tòa án tuyên:

+ Bà Vũ Thị D và ông Nguyễn Duy L không có con chung.

+ Xác định chị Nguyễn Thị Huyền P, sinh năm 2006 là con chung của ông Lê Công K và bà Vũ Thị D.

- Các đương sự không phải nộp án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bản án số 44/2010/HNGĐ-ST ngày 21/9/2010 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Bình bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy phần con chung và giao cho Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm lại nên Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết lại phần con chung giữa bà Vũ Thị D và ông Nguyễn Duy L là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông Nguyễn Duy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị Huyền P có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị P.

[2] Về quan hệ con chung:

Bản án số 44/2010/HNGĐ-ST ngày 21/9/2010 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Bình xác định bà Vũ Thị D và ông Nguyễn Duy L có 01 con chung là Nguyễn Thị Huyền P, sinh năm 2006 và giao con P cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con P đối với ông L.

Ông Lê Công K và chị Nguyễn Thị Huyền P đã thực hiện thủ tục xét nghiệm ADN để xác định cha con giữa ông K và chị P. Tại Kết quả xét nghiệm ADN ngày 12/9/2023 của Viện công nghệ ADN và phân tích di truyền – Genlab đã kết luận ông Lê Công K có quan hệ huyết thống bố - con với chị Nguyễn Thị Huyền P. Sau khi có kết quả giám định ADN trên, thời điểm còn sống, ông K đã làm đơn đề nghị Toà án cấp sơ thẩm xác định chị P là con đẻ của ông K và đã được Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận; tuy nhiên do trình tự thủ tục Toà án cấp sơ thẩm giải quyết không đảm bảo quy định của pháp luật nên đã bị Toà án cấp phúc thẩm huỷ. Do đó bà D đã làm đơn đề nghị xem xét lại phần con chung theo thủ tục tái thẩm. Quyết định tái thẩm số 26/2024/HNGĐ-TT ngày 05/9/2024 của Uỷ ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã chấp nhận yêu cầu của bà D, hủy phần con chung, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm lại.

Quá trình thụ lý, giải quyết lại vụ án về phần con chung, ông L không đến Tòa án để làm việc và không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án; vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do bà D và chị P cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

Xét thấy: Kết quả xét nghiệm ADN ngày 12/9/2023 của Viện công nghệ ADN và phân tích di truyền – Genlab đã kết luận ông Lê Công K có quan hệ huyết thống bố - con với chị Nguyễn Thị Huyền P. Nguyên đơn – bà D đề nghị Tòa án xác định bà và ông L không có con chung và chị P có đơn yêu cầu xác định chị là con đẻ của ông Lê Công K. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định chị Nguyễn Thị Huyền P không phải là con chung của bà D và ông L mà là con chung của bà D và ông K.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Do vụ án được giải quyết lại về phần con chung và giải quyết yêu cầu xác định cha cho con nên các đương sự không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 90, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2024/NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ con chung: Bà Vũ Thị D và ông Nguyễn Duy L không có con chung.

2. Xác định: Chị Nguyễn Thị Huyền P, sinh ngày 01/3/2006 (Căn cước công dân số 034060025417, ngày cấp 06/7/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) là con chung của bà Vũ Thị D và ông Lê Công K, sinh năm 1960; nơi thường trú: Thôn P, xã P1, huyện P1, tỉnh Bình Phước (ông K đã chết ngày 07/7/2024).

***3. Về án phí*:** Các đương sự không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Vũ Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Nguyễn Duy L và chị Nguyễn Thị Huyền P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Đ1;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cụcTHADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Kiên Trung